

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động, luân chuyển, biệt phái trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 9578/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động, luân chuyển, biệt phái trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động, luân chuyển, biệt phái trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức Hội của thành phố do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hưởng lương từ ngân sách nhà nước của thành phố Huế được điều động, luân chuyển, biệt phái trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi chung là cán bộ) làm việc trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển, biệt phái theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước trên địa bàn thành phố và trong quy hoạch, kế hoạch, đề án sử dụng của cấp có thẩm quyền như sau:

- Từ các cơ quan, đơn vị của thành phố, cấp huyện (trước sắp xếp) về các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã); từ cấp xã, cấp huyện (trước sắp xếp) về các cơ quan, đơn vị thành phố; trong nội bộ cơ quan, đơn vị nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị quyết này;

- Từ đơn vị cấp xã này đến đơn vị cấp xã khác.

b) Người đang làm việc tại các tổ chức Hội của thành phố do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là người lao động) trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển (bằng văn bản) về công tác tại cấp xã (sau sắp xếp), bao gồm: Người trong độ tuổi lao động được điều động, luân chuyển theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế hoặc ký hợp đồng lao động trong định suất lao động được cấp có thẩm quyền giao; người trong độ tuổi lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Cán bộ được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển, biệt phái theo quy hoạch, kế hoạch, đề án của cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

2. Thời gian điều động, luân chuyển, biệt phái dưới 15 ngày được tính 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên được tính tròn 01 tháng.

3. Các trường hợp không được hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này

a) Cán bộ, người lao động đang trong thời gian nghỉ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và bị tạm đình chỉ công tác theo văn bản, quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Cán bộ đang tham gia đào tạo, bồi dưỡng tập trung từ 01 tháng trở lên.

4. Các chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này không làm căn cứ để đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

1. Cán bộ và người lao động tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi công tác mới; có khoảng cách đường bộ ngắn nhất từ nơi nhận công tác mới đến nơi đăng ký thường trú từ 15 km trở lên.

2. Trường hợp cán bộ chưa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Huế hoặc nơi đăng ký thường trú không trùng với nhà ở thuộc sở hữu của mình thì khoảng cách quy định tại khoản 1 Điều này được tính từ cơ quan, đơn vị, nơi công tác cũ đến cơ quan, đơn vị, nơi công tác mới.

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Trường hợp nơi nhận công tác mới cách nơi đăng ký thường trú từ 15 km đến dưới 20 km: 900.000 đồng/người/tháng.
2. Trường hợp nơi nhận công tác mới cách nơi đăng ký thường trú từ 20 km đến dưới 25 km: 1.100.000 đồng/người/tháng.
3. Trường hợp nơi nhận công tác mới cách nơi đăng ký thường trú từ 25 km đến dưới 30 km: 1.300.000 đồng/người/tháng.
4. Trường hợp nơi nhận công tác mới cách nơi đăng ký thường trú từ 30 km trở lên: 1.500.000 đồng/người/tháng.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện và trách nhiệm chi trả chính sách hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách nhà nước đảm bảo và sử dụng từ nguồn kinh phí của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, người lao động chịu trách nhiệm chi trả chính sách hỗ trợ.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2028.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa IX, Kỳ họp lần thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2026./

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBTV Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- VP: LĐ và các CV;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Đức Tiến